

HOẠT ĐỘNG BUÔN BÁN Ở ĐỒNG THÁP MƯỜI THỜI THUỘC PHÁP

Dương Văn Triêm ()*

Do điều kiện tự nhiên đặc trưng, đã tạo ra nguồn lợi thủy sản phong phú góp phần qui định loại hình sinh hoạt kinh tế ngay từ buổi đầu khai hoang lập ấp. Trước khi nghề canh tác lúa trở thành chủ yếu, đã có một thời gian khá dài, dân cư địa phương chuyên sinh sống bằng nghề khai thác cá.

Ngoài tôm cá dồi dào, vùng này còn là nơi sinh sôi nảy nở của nhiều loại khác, như rắn, rùa, kể cả cá sấu, chim muông, ong mật....

Thảo mộc đặc trưng của Đồng Tháp Mười là cây tràm, năn, lát, lau sậy, sen, súng, lúa trời. Cây bàng mọc tập trung một số vùng, ở các huyện Đức Hoà, Đức Huệ, Bến Lức, Thủ Thừa, Mộc Hoá, Vĩnh Hưng (Long An). Cây lúa trời cũng có nhiều nơi, song tập trung nhiều ở các xã Vĩnh Thạnh, Vĩnh lợi, Thạnh Trị, vùng ven sông Trăng thuộc huyện Vĩnh Hưng ngày nay.

Môi trường và điều kiện tự nhiên tác động rất lớn đến đời sống xã hội của con người nơi đây. Trong đó có hoạt động kinh tế, cụ thể là “*hoạt động mua bán*”.

Hoạt động mua bán ở Đồng Tháp Mười thời thuộc Pháp, ngoài hoạt động *mua bán ở các chợ*, còn có hoạt động *mua bán của những người mua bán nhỏ* (nghiệp chủ) ở các thị tứ, thị trấn và *mua bán trong các hội chợ triển lãm* (đấu xảo).

Về giới hạn địa lý của Đồng Tháp Mười, theo “*Carte de la Cochinchine française divisée en quatre zones*” (phỏng đoán có thể được vẽ 1882) dựa vào điều kiện tự nhiên, chia Nam kỳ thành 4 vùng với điều kiện tự nhiên khác nhau. Vùng “*Plaine des Joncs – Đồng Tháp Mười*” kéo dài từ Vàm Cỏ Đông đến tận *Rạch Giá – Hà Tiên*.

Nhưng trong giới hạn bài viết này, ngoài dựa vào yếu tố tự nhiên, chúng tôi còn dựa vào yếu tố lịch sử - văn hóa. Vì để tìm hiểu lịch sử địa phương thì việc nhìn Đồng Tháp Mười như một vùng địa lí kinh tế, xã hội dù sao cũng gần gũi hơn so với việc chỉ nhìn nó như một vùng địa lí tự nhiên đơn thuần. Theo đó, giới hạn vùng Đồng Tháp Mười:

- Phía Bắc là ranh giới Việt Nam – Campuchia;
- Phía Tây giáp sông Tiền;
- Phía đông giáp Vàm Cỏ Đông;

(*) Thạc sĩ, Hội KHLS Đồng Tháp: Email: dvtriem@gmail.com; ĐT: 0972574080

- Riêng phần ranh giới phía Nam, đối chiếu “*Carte de la Cochinchine française divisée en quatre zones*” với “*Địa chí Đồng Tháp Mười*” do Trần Bạch Đằng chủ biên, về cơ bản là tương đối đồng nhất: đoạn từ Bến Lức – Cai Lậy – Cái Bè (*khoảng tuyến Quốc lộ 1A*).

Cụ thể, phần giới hạn phía Nam của Đồng Tháp Mười giai đoạn thuộc Pháp, tương ứng: từ chợ Cái Bè theo tuyến đường đi *Cái Bè – Cai Lậy*. Tiếp, từ chợ Cai Lậy theo tuyến *Cái Bè – Mỹ Tho*, giao với tuyến đường sắt Mỹ Tho – Sài Gòn (đoạn chợ Trung Lương). Từ chợ Trung Lương theo tuyến đường sắt hướng đi Tân An và đến Bến Lức.

Các tổng phía Nam: *Lợi Thuận, Lợi Trinh, Hưng Nhơn* (Mỹ Tho); *Hưng Long, An Ninh Thượng, Cửu Cư Thượng* (Tân An). Đồng Tháp Mười là địa danh vùng nên vấn đề xác định giới hạn địa lý này chỉ mang tính tương đối để làm cơ sở cho việc nghiên cứu.

1. Chợ của vùng

1.1. Quá trình phát triển

Dưới thời Nguyễn, vùng Đồng Tháp Mười đã có xuất hiện chợ: *An Bình* (Cái Bè), *Mĩ Quí*,...

Cấu trúc các chợ về cơ bản gồm những hàng quán + các tiệm là cơ sở sản xuất hoặc đại lý bán các sản phẩm nông nghiệp, thủ công nghiệp... Đơn cử: “*Chợ An Bình, ở huyện Kiến Hòa, hàng quán đông đúc, nhiều nhà làm nghề nhuộm, nhà giàu thường chứa cau đem bán ở Sài Gòn, lái buôn hay đóng thuyền để đi buôn bán ở Cao Miên*” [13, tr.130].

Giai đoạn này, các chợ tập trung chủ yếu ở khu vực phía nam Đồng Tháp Mười. Khu vực tổng Phong Thạnh (huyện Kiến Phong) và tổng Hưng Long (huyện Kiến Hưng) chưa có chợ.

Khi người Pháp đến, ở Đồng Tháp Mười đã có một số chợ ngưng hoạt động, do dân chạy nạn hoặc chợ bị chiến tranh phá hủy. Do đó khi xong việc bình định, người Pháp đã cho thành lập một số chợ mới hay xây dựng lại các chợ cũ.

Thời gian đầu, một số chợ chỉ hoạt động trao đổi mua bán ở chừng mực nhất định. Nhưng sau đó, nhờ giao thông thuận lợi, sản xuất nông nghiệp phát triển, các chợ hoạt động sung túc trở lại.

Các chợ này giao thương với trung tâm các chợ ở Sài Gòn, Chợ Lớn trở thành một mạng lưới. Một số chợ ở Đồng Tháp Mười¹:

- *Chợ Phú Mỹ* (Phú Mỹ, Hưng Nhơn), *chợ Tha La* (Long Định, Hưng Nhơn), *chợ Cổ Chi* (Tân Lý Đông) ở khu thanh (inspections) tra Mỹ Tho²;

¹ Thống kê theo “*Carte de la Cochinchine*” (1874), A. Charpentier

² Địa phận của huyện Kiến Hưng và Kiến Hòa, tỉnh Mỹ Tho (Định Tường) cũ.

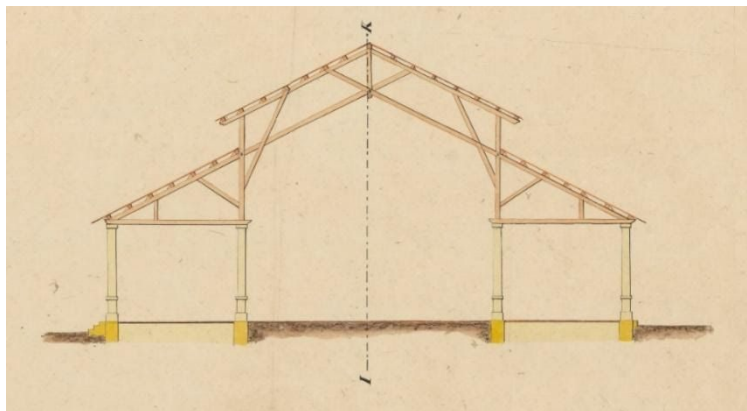
- *Chợ Cai Lậy* (Hòa Sơn, Lợi Trinh), *chợ Mới* (Mỹ Trang, Lợi Trinh), *chợ Cái Lá* (Phú Sơn, Lợi Thuận), *chợ Tổng Ngộ* (Xuân Sơn, Lợi Thuận), *chợ Ba Rài* (Hội Sơn, Lợi Thuận) ở khu thanh tra Cai Lậy³;

- *Chợ Cái Bè* (An Bình Đông, Phong Hòa), *chợ Cái Nứa* (An Hậu Thành, Phong Hòa), *chợ Cái Thia* (Mỹ Lương, Phong Phú), *chợ Cầu Lân* (Mỹ Trà, Phong Năm) ở khu thanh tra Cần Lộ⁴;

- *Chợ Thủ Thừa* (Bình Thạnh, An Ninh Thượng), *chợ Bình Ảnh* (Bình Ảnh, Cửu Cư Thượng) ở khu thanh tra Tân An.

Do có một số chợ thuộc làng, tổng vùng ven chưa xác định được ranh giới nên thống kê có thể chưa đầy đủ. Nhưng qua đây ước chừng, giai đoạn này Đồng Tháp Mười có trên dưới 14 chợ, nếu so với trước số lượng chợ tăng lên nhanh chóng khoảng 3-4 lần.

Đặc điểm của chợ giai đoạn này, ngoài những hàng quán, tiệm buôn bán... xuất hiện “*nhà lồng chợ*” (xem hình). Nhà lồng được xây dựng kiên cố không ngăn vách, thông gió.



*Cấu tạo nhà lồng chợ (lát cắt)*⁵

Chính quyền cho vay tiền để làng thành lập chợ, đồng thời hỗ trợ người thiết kế bản vẽ và nhân công xây cất. Hội đồng quản hạt tỉnh kinh phí cho từng chợ được xây dựng, để có số tiền vay phù hợp. Lãi suất 10 phân/năm, làng phải trả đến khi hết nợ; huê lợi từ chợ thuộc về làng. Hương chức có trách nhiệm, coi sóc việc tu bổ chợ.

Những năm tiếp theo, sự phát triển của chợ ở Đồng Tháp Mười có những biến đổi. Ngoài trừ chợ trung tâm, còn có các chợ khác được thành lập, phân bố khắp các tổng, làng. Bảng thống kê, giai đoạn (1900-1906):

Chợ (<i>marché</i>)	Vị trí (<i>nằm gần hoặc ven sông, rạch</i>)	Làng (<i>village</i>)	Tổng (<i>canton</i>)
---------------------------------	---	-----------------------------------	----------------------------------

³ Địa phận của huyện Kiến Đăng, tỉnh Mỹ Tho (Định Tường) cũ.

⁴ Địa phận của huyện Kiến Phong, tỉnh Mỹ Tho (Định Tường) cũ.

⁵ *Projet de marché couvert pour Saigon* (1863).

Châu Đốc (province)			
Chợ Nhà lồng Hồng Ngự	Ngã ba sông Sở Thượng và Sở Hạ	An Bình	An Phước
Chợ Trà Đư (<i>dân số: 400 người, 1906</i>)	Đầu vàm rạch Trà Đư	Thường Thới	
Sa Đéc			
Chợ Cầu Lãnh (<i>ds: 3.500 người, 1906</i>)	Sông Cao Lãnh	Mỹ Trà	Phong Thạnh
Chợ Mỹ Ngãi	Giữa hai nhánh sông Cao Lãnh và Cái Sao Thượng	Mỹ Ngãi	
Chợ Hòa An	Sông Cao Lãnh	Hòa An	An Tịnh
Chợ Cần Lộ	Đầu vàm rạch Cần Lộ	Mỹ Thọ	Phong Năm
Mỹ Tho			
Chợ Cai Lậy (<i>ds: 2.800 người, 1906</i>)	Rạch Ba Rài	Thanh Sơn	Lợi Trinh
Chợ Cẩm Sơn	-nt-	Cẩm Sơn	
Chợ Cái Bè	Ngã ba rạch Cái Bè	An Bình Đông	Phong Hòa
Chợ Cái Nứa	Rạch Trà Lọt	Hậu Thành	
Chợ Cái Thia (Con Mè) (<i>ds: 2.400 người, 1906</i>)	Đầu vàm rạch Cái Thia	Mỹ Đức Đông	
Chợ Cổ Chi (<i>ds: 2.500 người, 1906</i>)	Rạch Cổ Chi (trên bản đồ có khi ghi là Cù Chi)	Tân Hội Đông	Hưng Nhơn
Chợ Cai (Thầy) Yên	Arroyo Commercial (Thương Mại)	Phú Mỹ	
Chợ An Hữu (<i>ds: 3.600 người, 1906</i>)	Rạch Cái Cối; Tuyến đường Phong Phú đi Ba Dừa đi qua	An Hữu	Phong Phú
Chợ Cái Lá	Ngã ba rạch Cái Bè và tấc Cái Lá	Phú Sơn	Lợi Thuận
Tân An			
Chợ Vũng Gù	Ngã ba kinh Poste (<i>kinh Trạm thơ hay kinh Bưu điện</i>) và Vàm Cỏ Tây (sông Vũng Gù); Giao giữa 4 tổng: Hưng Long, An Ninh Thượng và Thanh Hội Thượng, An Ninh Hạ	Bình Lập	Thanh Hội Thượng
Chợ Thủ Thừa	Rạch Trà Cú, tại điểm giao với rạch Ba Trang và rạch Cây Gáo	Bình Lương Tây	An Ninh Thượng
Chợ Báng Chúc? ⁶	Rạch Trà Cú; Giáp ranh với tổng An Ninh Thượng	Bình Ảnh	Cửu Cư Thượng

⁶ Ghi theo nguyên văn, nhưng có lẽ đây là chợ Bình Ảnh, vì vị trí so với chợ Bình Ảnh trước, không có gì thay đổi.

Nguồn: Tổng hợp [7][8][9][10]

Do điều kiện tự nhiên là sông nước, giao thông thủy phát triển nên phần lớn các chợ đều có vị trí gần các sông, kinh, rạch. Tuy vậy, mỗi chợ cũng có những nét riêng [1]:

- *Chợ Cầu Lân*, đi từ Sa Đéc mất khoảng 3 giờ; chợ có trường hàng tổng với 100 học sinh; chợ phát triển nghề nấu rượu và buôn bán thóc lúa; nhà ở chợ đều được xây bằng gạch; có nhiều tuyến đường được bảo dưỡng tốt;

- *Chợ Cổ Chi*, chợ có thương buôn thường tới lui; nổi tiếng với các mặt hàng gạo, bắp, thuốc lá; có những cửa hiệu buôn bán của người Hoa; có cơ sở sản xuất chiếu bàng;

- *Chợ Cai Lậy*, là chợ lớn có trường hàng tổng, có nhiều bến tàu được xây dựng bằng kỹ thuật ốc vít; có nhiều cửa hiệu của người Hoa; nhà cửa được xây dựng bằng gạch.

Chợ tập trung nhiều nhất là ở Mỹ Tho, khu vực khác như Mộc Hóa, chưa có chợ. Có thể tạm chia ở Đồng Tháp Mười thành 3 khu chợ và hoạt động thương mại khác nhau:

- Khu vực An Phước gồm các chợ Nhà lộng Hồng Ngự, Trà Đur hoạt động chủ yếu trao đổi mua bán nguồn lợi tự nhiên như cá;

- Khu vực Phong Thạnh, An Tịnh gồm các chợ Cao Lãnh, Hòa An hoạt động chủ yếu trao đổi mua bán nguồn từ vườn như cây ăn quả, nông cụ;

- Khu vực Tân An, Mỹ Tho hoạt động chủ yếu trao đổi mua bán lúa gạo.

Để thống nhất trong việc xử lý những trường hợp “*mua gian, bán lận*” ở chợ, chính quyền thuộc địa ban hành Nghị định ngày 1 tháng 8 năm 1905. Luật phạt nặng những người làm đồ giả, vô cớ tích trữ đồ trong tiệm, trong quán, trong trại, trong nhà, trên xe mình đi buôn bán, trong kho, trong chỗ làm hàng thịt, trong nhà bán giấy xe lửa, trong chợ. Các thước tắc cân lường giả hoặc trữ đồ cho người và súc vật ăn, đồ uống cùng các đồ khác mà bản thân biết là giả, đồ pha, đồ đã hư hoặc đồ độc.

Ngày 1 tháng 3 năm 1921, Thống đốc Nam Kỳ ban hành Nghị định xếp hạng các chợ và các trung tâm hoạt động thương mại thành 3 hạng. Ở Đồng Tháp Mười không có hạng nhất và hạng nhì, chỉ có hạng ba, gồm: *Cái Bè*, *Cai Lậy* (Mỹ Tho); *Cầu Lân* (Sa Đéc); *Hồng Ngự* (Châu Đốc).



Chợ Thủ Thừa trong không gian chung của khu “thị tứ” (tỉ lệ 1/5.000)

(Dân số khoảng 1.500 người)[11, tr.113]

Chợ ở tỉnh quận, được cải tạo khang trang, có nhà lồng bằng gạch lợp ngói khang trang, trở thành trung tâm thương mại của địa phương. Vấn đề phát triển chợ, với những chính sách riêng dần biến nơi đây thành những khu đô thị, trung tâm hành chính của địa phương với mức sống của người dân ở đây cao hơn những nơi khác.

1.2. Cân lường

Ngày 27 tháng 2 năm 1868, để có chính sách cai trị thống nhất, người Pháp cho thành lập ban điều tra các vấn đề dân tộc bản xứ. Trong đó có việc thống kê các đơn vị đo lường bản xứ và quy đổi ra đơn vị của Pháp.

Cách ghi đơn vị cơ bản là viết tên đơn vị trước, để phân biệt có thêm những từ như “ta”, “cũ” “annam” hoặc “Pháp”, “Tây”, “mới”... Nhưng các từ có nghĩa “Việt Nam” hoặc “mêtric” rất đa dạng, không nhất quán, thêm nữa là thỉnh thoảng bị viết tắt, điều này gây nên tình trạng lẫn lộn cho cả hai hệ thống này.

Ngày 27 tháng 10 năm 1911, chính quyền thuộc địa ban hành Nghị định qui định thống nhất về cân lường. Điều thứ nhất, bắt buộc trong toàn cõi Nam kỳ, phải dùng cân lường sau đây [12, tr.215-216]:

Thước đo: thước, tất, phân và ly (mètre)	
Cân	
(1 gramme) – 1 đồng cân tây (1 cà ram)	Mỗi bậc tương đương 1 trái cân
(2 grammes) – 2 đồng cân tây (2 cà ram)	
(5 grammes) – 5 đồng cân tây (5 cà ram)	
(10 grammes) – 10 đồng cân tây (1 cà ram)	
(20 grammes) – 20 đồng cân tây (20 cà ram)	
(50 grammes) – 50 đồng cân tây (50 cà ram)	
(100 grammes) – 100 đồng cân tây (100 cà ram)	
(200 grammes) – 200 đồng cân tây (200 cà ram)	
(500 grammes) – 500 đồng cân tây (500 cà ram hay nửa kí lô)	Trái cân làm bằng thau 1, 5, 10 và 20 cà ram hình tròn trên chóp có trục tròn
(1 kilogramme) – 1 cân tây hay là một ngàn đồng cân tây, nặng nổi một trăm đồng sou (0\$01) là bài của bên Đông Pháp làm ra, có hình đằm thay mặt nhà nước Langsa hay nặng nổi một lít (litre) nước lọc.	

(2 kilogrammes) – 2 cân tây (2 kí lô)	Trái cân hình tròn làm bằng thau; 1 tạ thương mại qui định 60kg, không phân biệt loại hàng hóa.
(10 kilogrammes) – 10 cân tây (10 kí lô)	
(20 kilogrammes) – 20 cân tây (20 kí lô)	
(50 kilogrammes) – 50 cân tây (50 kí lô)	
(60 kilogrammes) – 60 cân tây (60 kí lô)	
(100 kilogrammes) – 100 cân tây (100 kí lô)	
(1000 kilogrammes) – 1000 cân tây (1000 kí lô)	
(5 décigrammes) – 5 tác đồng tây	Trái cân hình tròn làm bằng thau hay đồng bạch
(2 décigrammes) – 2 tác đồng tây	
(1 décigramme) – 1 tác đồng tây	
(1 centigramme) – 1 phân đồng tây	
(1 miligramme) – 1 ly đồng tây	

Lường: lon đong	
(1 litre) – vuông 1 bát tây (1 lít)	Lon làm bằng thiếc có chạy vành sắt
(2 litres) – vuông 2 bát tây (2 lít)	
(5 litres) – vuông 5 bát tây (5 lít)	
(10 litres) – vuông 10 bát tây (10 lít)	
(20 litres) – vuông 20 bát tây (20 lít)	
(40 litres) – vuông 1 gia (40 lít)	
(50 litres) – vuông 50 bát tây (50 lít)	
(100 litres ou 1 hectolitre) – vuông 100 bát tây	Dùng lon 50 lít mà đong 100 lít
(5 décilitres) – vuông 5 hạp tây	Lon bằng thiếc
(2 décilitres) – vuông 2 hạp tây	
(1 décilitre) – vuông 1 hạp tây	
(1 centilitre) – vuông 1 thuộc tây	

Về cân lường trong buôn bán, có 3 loại:

- Cân đòn gánh có 2 vá (*balance à bras égaux*);
- Cân tạ (cân búng) (*balance bascule*);
- Cân tay xách (cân nhíp) (*balance romaine*).

Cân lường mới, trước khi đưa vào sử dụng phải trình lên quan *Ký lục* (secrétaire) của *Tòa bố*⁷ kiểm tra theo cân lường mẫu và đóng dấu.

Mỗi năm đều có kiểm tra cân lường và đóng dấu khác nhau. Song quan Tham biện Chủ tỉnh có quyền kiểm tra cân lường ở bất kỳ thời điểm nào, trong cả tỉnh, một quận hay một cá nhân cụ thể.

Những cân lường không đạt yêu cầu bị tịch thu, tiêu hủy và nếu cất giữ cân lường giả có thể bị tù. Trường hợp vi phạm khác về cân lường, bị xử phạt theo điều 479, 480, 481 và 482 hoặc điều 423 luật hình, ban hành ngày 27 tháng 3 năm 1851.

⁷ “Tòa bố” hay sở Tham biện, tòa Tham biện, Tham biện đường, tức cơ quan hành chính Tỉnh.

Mỗi năm đến hạn kiểm tra cân lường, quan Ký lục đến *Nhà việc* (Nhà hội) (maison commune) của mỗi làng. Gửi trát cho Xã trưởng trước, thông báo đến mỗi người dân buôn bán tập hợp theo thời gian qui định.

Mức thuế cân lường được qui định như sau:

- Thước đo, chịu thuế 0\$08;
- Trái cân --- 0\$06;
- Lon đong --- 0\$10;
- Cân đòn gánh hai vá --- 0\$20;
- Cân tay xách kí lô --- 0\$40;
- Cân tạ --- 1\$25;

Trường hợp trong cùng một năm mà kiểm tra cân lường nhiều lần, thì chỉ thu thuế một lần.

Một vài đơn vị khác của người Việt được người Pháp ghi nhận đối chiếu theo sự hiểu biết bước đầu của họ: “*Gros ở Nam kỳ, có tên Đồng = 1/10 once = 3,905gr. Once ở Nam kỳ hoặc Lượng = 39,05gr. Livre tên là Cân = 16 once = 624,80gr*”. [2, tr. 170] Hay là: “*Aune ở Nam kỳ là Thước tương đương khoảng 24 pouces Pháp, nó là phùng xích = 0,64968m*”. [2, tr. 174]

Do không dám can thiệp sâu vào truyền thống bản xứ, sẽ gây xáo trộn và gặp phải những phản ứng. Nên mặc dầu du nhập đơn vị đo lường hệ mét, nhưng người Pháp vẫn duy trì hệ thống đo lường cũ của An Nam.

2. Các nghiệp chủ

“Nghiệp chủ” trong bài viết này được giới hạn, gồm những người hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực *sản xuất, dịch vụ*, nói theo cách xưa là hoạt động trong *các nghề* và *buôn bán* (tạm gọi chung là buôn bán). Nghĩa là những người hoạt động buôn bán có “*bài sinh ý*”⁸ và chịu thuế.

Theo Nghị định ngày 27 tháng 2 năm 1892, về lệ buộc những người phương Đông muốn buôn bán phải có đơn xin, viết bằng quốc ngữ hoặc chữ tây. Một, gửi cho xã Tây hay quan Tham biện tùy theo nơi; hai, gửi phòng quan *Lục sự* sở tại. Nội dung đơn xin:

- (1) Tên họ và số giấy thuế thân của nghiệp chủ, người hùn vốn (nếu có) và tên Hộ bang trưởng;
- (2) Địa chỉ nơi lập và tên hiệu tiệm, hàng (cơ sở kinh doanh);
- (3) Người khai, người hùn vốn ký tên và đóng dấu của tiệm, hàng; mỗi tiệm, hàng có con dấu riêng.

⁸ “*Bài sinh ý*” có thể gần giống như giấy phép kinh doanh thời nay.

Theo tình hình phát triển chung của Nam kỳ, ở Đồng Tháp Mười cũng dần dần xuất hiện một vài hoạt động nghề [1]:

- Dương Văn Tân (buôn ngựa, tổng Phong Thạnh Thượng);
- Speidel et C^{ie}, Lâm Tiết, Lâm Gia Tánh (buôn thóc lúa, tổng Phong Hòa);
- Nguyễn Văn Giàu (đóng ghe xuống, tổng An Ninh Thượng)...

Những hoạt động buôn bán này, đa phần phải đăng ký và chịu thuế, vì nó không nằm trong trường hợp được miễn thuế theo điều 5⁹, Nghị định ngày 30 tháng 12 năm 1925, về định *thuế sanh ý* trong xứ Nam kỳ.

Có lẽ do phải chịu thuế sanh ý, cùng với việc đăng ký hoạt động khó khăn, nên phần lớn những nghiệp chủ hoạt động buôn bán đều là những người có kiến thức hay địa vị xã hội. Nói cách khác, những nghiệp chủ đa phần là những người thuộc tầng lớp trên. Đây cũng là một trong những rào cản của hoạt động buôn bán ở giai đoạn này.

Hoạt động buôn bán của các nghiệp chủ, tập trung ở một số nơi nhất định, thường là ở các thị trấn, thị tứ [15]:

* **Tổng Phong Thạnh Thượng** (quận Chợ Mới, tỉnh Long Xuyên):

- Dương Văn Nghi (buôn ghe xuống); Nguyễn Văn Khánh (xay sát gạo); Nguyễn Văn Khoa, Dương Văn Nhi (buôn bán lẻ) ở làng An Phong;
- Phạm Văn Hy (thầu cá, làng An Thành);
- Nguyễn Văn Kha (buôn ghe xuống, làng Tân Thạnh);
- Nguyễn Phước Đợi (xay sát gạo); Nguyễn Văn Phương (lò gạch); Nguyễn Văn Chu (buôn đồ cổ); Dương Thị Dòn (buôn bán lẻ) ở làng Tân Phú.

* **Quận Cái Bè** (tỉnh Mỹ Tho):

- Abboubaker (thầu chợ);

⁹ **Các ngành nghề được miễn thuế sanh ý** [12]:

- Thợ sơn, thợ chạm, thợ khắc con dấu, thợ vẽ, thợ cạo, thợ làm đồ khéo để chung chơi; các sản phẩm làm ra không bán;
- Thầy dạy chữ, dạy bát vật, dạy các nghề khéo (kỹ thuật, thủ công), thầy giáo huấn;
- Người viết, in nhật trình (báo chí); bà mụ; tài tử; soạn giả tuồng hát; phòng văn đọc sách;
- Nông dân bán các sản phẩm của chính mình sản xuất; buôn bán dạo, hàng rong;
- Người chày lưới, đi câu ghe; gánh, đổi nước mướn; kéo xe tay; chủ tàu ghe (không chở mướn); thợ làm và bán bánh mì tây không ở trong châu thành Sài Gòn – Chợ Lớn.
- Chủ mỏ, khai thác khoáng vật bán; người mướn nhà ở; người có vốn hùn trong tiệm, hảng; người làm công trong các tiệm, hảng.
- Thợ làm nghề tại nhà hoặc làm mướn nhưng không có thợ phụ, không có người theo học nghề, dù có tiệm hay không có tiệm. Vợ phụ chồng, con còn nhỏ phụ giúp thì không tính là người phụ hoặc có một ít phụ tùng, máy móc thì cũng không tính là hảng phải chịu thuế. Người làm nghề có một học trò, dưới 16 tuổi; chồng chết vợ nối nghiệp có một người làm thợ, làm công, một học tr

- Đặng Nam, Trần Tứ, Trần Văn Thu, Lâm Hiền, Lâm Phiêu, Trần Bao Nguơn, Trương Trang, Trương Trái, Trương Vinh (buôn bán lẻ);
- Dương Đại (tiệm hút thuốc phiện);
- Dương Lăng Huê, Trương Kiêm (bán dầu lửa);
- Huỳnh Tư (buôn thóc lúa);
- Lâm Thị Hoa (vận chuyển đường sông);
- Lâm Văn Ty (?);
- Lưu Văn Ngân, Mai Thị Liên, Nguyễn Văn Kiệt, Trần Kim Quan (buôn đồ cổ);
- Phạm Phú, Trương Vinh (tiệm thuốc);
- Phan Văn Mười (lò mổ);
- Trần Tấn Ngọc (kim hoàn).

* **Làng Thanh Hòa**¹⁰ (tổng Lợi Trinh, quận Cai Lậy, tỉnh Mỹ Tho):

- Lâm Thị Ba, Trần Triệu, Tăng Vang, Nguyễn Thị Định, Vân Cung, Lưu Phát, Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Khoan, Dương Ngô, Lâm Mậu, Tăng Kiêm (buôn bán lẻ);
- Bành Văn Tiến, La Nguơn, Huỳnh Đơn, Lâm Nguơn Bưu, Lâm Sanh Kiêm, Trần Văn Nghĩa (tiệm thuốc);
- Du Văn Nam (sở khám bệnh Đông y);
- Trần Văn Sang, Chia Lại Hiệp, Nguyễn Văn Chính, Nguyễn Văn Sâm (trại cưa cây);
- Trần Kinh Hơn, Lý Xuân, Trần Tam, Nguyễn Kỳ Huê, Diệp Thuật (nhà hàng);
- Lâm Thanh, Vương Phú, Phùng Hiền (tiệm hút thuốc phiện);
- Trần Văn Trường, Tăng Nhi, Nguyễn Văn Định, Lê Văn Bảy, Nguyễn Văn Cua, Trần Văn Thanh, Đồng Văn Biên (bán thịt);
- Phan Văn Kiêm, Phạm Văn Ngọc (kim hoàn);
- Trương Thị Dân, Trần Văn Giới, Nguyễn Văn Huê (buôn ghe xuống);
- Giang Lai, Nguyễn Văn Chương, Nguyễn Văn Ngạn (buôn thóc lúa);
- Huỳnh Khôn (buôn tấm cám);
- Võ Thị Gia (nhà hát);
- Bùi Văn Thâu, Lê Văn Nhu, Huỳnh Văn Sang (buôn đồ cổ).

¹⁰ Hiện chưa tìm được quyết định thành lập làng, nhưng có lẽ làng do Hòa Sơn và Thanh Sơn hợp lại, làng có vị trí gần quận lỵ Cai Lậy.

* **Quận Cao Lãnh** (tỉnh Sa Đéc):

- An Thành (cho thuê đồ lễ);
- Võ Văn Nuôi, Cù Văn Lưu (buôn đồ cổ);
- An Thành, Mỹ Phong, Nam Xương, Quang Di Sanh, Hàng Phong, Thái Phong, Cẩm Hương, Chương Ký, Hòa Thanh, Phù Xương Nguyên (buôn bán lễ);
- Phùng Sanh Đường, Bảo An Đường, Lại Sanh Đường, Hàng An Đường (tiệm thuốc).

* **Quận Mộc Hóa** (tỉnh Tân An):

- Trần Quang Ngọc, Quách Gia, Đỗ Tài Ký (buôn thóc lúa); Trần Xuân (buôn bán lễ) ở làng Thới Bình Trung;
- Hồ Dung (buôn bán lễ); Trương Thu (buôn ghe xuồng) ở làng Tuyên Thạnh.

Trên đây thống kê có 5 điểm tập trung buôn bán của các nghiệp chủ, gồm 3 quận, 1 tổng và 1 làng. Các quận thống kê, nhưng không ghi địa điểm làng, có nghĩa nơi đó là quận lỵ. Trường hợp còn lại, là phân tán ở một số làng cụ thể.

Ở toàn Nam kỳ, chính quyền cho phép các lĩnh vực, nghề nghiệp được đăng ký hoạt động (tức phải chịu thuế) có khoảng 270 lĩnh vực, nghề. Trong tổng số các nghề đó, Đồng Tháp Mười có khoảng trên 20 nghề được đăng ký hoạt động:

Lĩnh vực buôn bán	
<i>buôn thóc lúa</i> (marchand de paddy)	<i>tiệm thuốc</i> (pharmacie asiatique hay pharmacie sino-annamite)
<i>buôn tâm cam</i> (marchand de son)	<i>buôn bán lẻ</i> (marchand en détail)
<i>buôn bán ghe xuồng</i> (marchand en barque)	<i>bán dầu lửa</i> (marchand de pétrole)
<i>buôn đồ cổ</i> (brocanteur)	<i>bán thịt</i> (boucherie)
Sản xuất, vận tải	
<i>lò gạch</i> (briqueterie)	<i>kim hoàn</i> (bijoutier)
<i>xay xát gạo</i> (décortiquerie)	<i>lò mổ</i> (fermier de l'abattoir)
<i>trại cưa cây</i> (scierie)	<i>vận chuyển đường sông</i> (transports fluviaux)
Dịch vụ, giải trí, sức khỏe	
<i>nhà hàng</i> (restaurant)	<i>cho thuê đồ lễ</i> (loueur en garni)
<i>nhà hát</i> (théâtre)	<i>sở khám bệnh Đông y</i> (médecin sino-annamite)
Lĩnh vực khác	
<i>thầu cá</i> (fermier des pêcheries)	<i>thầu chợ</i> (fermier du marché)
<i>tiệm hút thuốc phiện</i> (débitant d'opium)	

Với khoảng hơn 100 nghiệp chủ, không chỉ có người Việt mà còn có người Hoa tham gia.

Dân số Đồng Tháp Mười giai đoạn này, ước tính khoảng dưới 1 triệu người, làm tròn 1 triệu. Tính trung bình nghiệp chủ hoạt động buôn bán so với dân số chiếm 0.01%, tức 10.000 người mới có 1 người hoạt động buôn bán.

Hoạt động buôn bán của các nghiệp chủ, chưa thật sự đa dạng, chỉ dừng lại ở một số nghề sản xuất thủ công truyền thống hoặc đi buôn thóc lúa, ghe xuồng..., chưa xuất hiện nhiều các nghề trong lĩnh vực dịch vụ, sức khỏe. Chúng ta quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế diễn ra còn chậm, mức sống người dân chưa được nâng cao.

3. Tham gia đấu xảo

“Đấu xảo” nay gọi là “Hội chợ” hay “Hội chợ triển lãm”, lúc đầu người Pháp dùng từ “*concours*” sau thì dùng “*foire*”, có khi dùng “*exposition*” để gọi. Nhưng có khi “*foire*” và “*exposition*” được dùng chung. Điều lưu ý, những cuộc đấu xảo có tính quốc tế thường dùng “*exposition*”, tính quốc gia (chỉ nội vi Việt Nam) dùng “*foire*”. Còn “*concours*” chỉ phát hiện được dùng một lần ở cuộc đấu xảo canh nông Hà Nội năm 1918.

Nhưng cho dù mang tên gọi gì, được tổ chức ở đâu, vào thời gian nào thì mục đích cơ bản của đấu xảo là giới thiệu và thi đua giữa các sản phẩm với nhau. Trong các sản phẩm đó, có sản phẩm bán và sản phẩm không bán, sản phẩm bán có đề giá.

Cuộc đấu xảo Đồng Tháp Mười tham gia được ghi nhận đầu tiên vào năm 1889, tổ chức tại Paris.

Ngày 27 tháng 5 năm 1889, tàu Le Calédonien khởi hành từ Sài Gòn, với phái đoàn Nam Kỳ gồm 10 người. Trong đó đoàn Đồng Tháp Mười có quan tri phủ Mỹ Tho và hương sư Tân An.

Năm 1920, chính quyền thuộc địa tổ chức đấu xảo, tại Hà Nội. Các sản phẩm Đồng Tháp Mười tham gia đa dạng hơn trước nhưng chủ yếu vẫn là các sản phẩm nông nghiệp và thủ công, do dân địa phương sản xuất:

Sản phẩm (<i>produits</i>)	Người sản xuất (<i>producteur</i>)	Giá (<i>prix</i>)	Số lượng/năm (<i>production annuelle</i>)
Cuốc (<i>houe</i>)	Nguyễn Văn Tùng (Hòa An, Sa Đéc)	1\$00	
Cày (<i>soc de charrue</i>)	Nguyễn Văn Tùng (Hòa An, Sa Đéc)	2\$50	40 lưỡi
Lưỡi hái (<i>faucille</i>)	Nguyễn Văn Tùng (Hòa An, Sa Đéc)	0\$10	50 cái
Lưỡi hái (<i>faucille</i>)	Nguyễn Văn Thịnh (Tịnh Thới, Sa Đéc)	0\$10	50 cái
Dao (<i>couteaux</i>)	Nguyễn Văn Khoác (Hòa An, Sa Đéc)	0\$40	250 cái
Rựa (<i>serpe</i>)	Nguyễn Văn Khoác (Hòa An, Sa Đéc)	1\$00	50 cái
Vải gấm (<i>soieries</i>)	Nguyễn Văn Hạp (Mỹ Trà, Sa Đéc)	33\$00/tám (10m)	5 tám
Lãnh đen	Nguyễn Văn Hạp (Mỹ Trà, Sa Đéc)	7\$00/tám (6m)	100 tám

Xuyến (soie)	Bùi Văn Bang (Mỹ Trà, Sa Đéc)	13\$00/tám (10m40)	50 tám
Lãnh đen	Nguyễn Văn Hiền (Mỹ Trà, Sa Đéc)	7\$50/tám (6m70)	100 tám
Lãnh đen	Trần Văn Dậu (Tân Thuận Đông, Sa Đéc)	4\$00/tám (3m40)	600 tám
Bắp trắng (<i>maïs blanc</i>)	Nguyễn Trường Văn (Tân Thuận Tây, Sa Đéc)	0\$30/kg	450kg
Bắp vàng (<i>maïs jaune</i>)	Nguyễn Trường Văn (Tân Thuận Tây, Sa Đéc)	0\$30/kg	450kg
Đậu xanh (<i>haricots verts</i>)	Lương Quan Cần (Tân Tịch, Sa Đéc)	0\$20/kg	300kg
Bột chuối (<i>farine de bananes</i>)	Huỳnh Trọng Quới (Mỹ Đông Trung, Cai Lậy, Mỹ Tho)	0\$25-0\$35 /kg	
Thuốc là (<i>tabac</i>)	Võ Văn Tịch (Tân Tịch, Sa Đéc)	1\$20/kg	200kg

Nguồn: Tổng hợp từ nguồn [6, tr. 10-45]

Sau năm 1920, Đồng Tháp Mười có nhiều lần tham gia đấu xảo, nhưng có lẽ đấu xảo năm 1924, là cuộc đấu xảo Đồng Tháp Mười tham gia phong phú nhất về các loại sản phẩm, được thống kê cụ thể sau đây [14]:

Tỉnh Tân An

*** Tổng Cửu Cư Thượng:**

Diện tích trồng mía đường ở Tân An khoảng hơn 300 ha, nằm dọc theo 2 sông Vàm Cỏ; có tất cả 19 lò và 23 nhà máy đường trên toàn tỉnh. Tập trung nhiều nhất ở tổng Cửu Cư Thượng với 17 lò và 20 nhà máy, sản phẩm đường:

- Đường táng, giá 0\$20; đường non, giá 0\$16 (Sáu Tương, làng Mỹ Thạnh Đông);

- Đường mở gà, giá 0\$27; mật ui, giá 0\$10 (Triệu Xuyên, làng Thạnh Lợi).

*** Tổng Mộc Hóa:**

5/6 diện tích của Tân An là đồng cỏ bàng; cỏ bàng tập trung nhiều ở các vùng trũng, hoang hóa, hầu như khu vực này chưa có đường giao thông bộ. Nơi đây, ngành sản xuất bàng rất phát triển; làng Tuyên Thạnh với các sản phẩm từ bàng:

- Bàng (Lê Thị Minh, Nguyễn Thị Búp);

- Đệm bàng (Nguyễn Thị Búp, Lê Thị Truu);

- Cà ròn (Nguyễn Thị Búp, Đặng Thị Sương, Đỗ Thị Muôi, Nguyễn Thị Kiêm, Phạm Thị Chanh);

- Bị (Nguyễn Thị Bút, Lê Thị Minh).

* *Tổng An Ninh Thượng:*

- Đệm bàng (Phạm Văn Kiên, làng Bình Phong Thạnh).

* *Tổng Hưng Long:*

- Đệm bàng: Lê Ngọc Yên, Nguyễn Văn Hên, Đỗ Văn Hành (làng Mỹ An Phú);

- Cà ròn (Lê Phát Hưng, làng Mỹ An Phú).

Tỉnh Mỹ Tho

* *Tổng Phong Hòa:*

Diện tích trồng lúa toàn tỉnh Mỹ Tho 109.000 ha (1923-1924). Và diện tích này gần như chùng lại trong một thời gian.

Lúa ở làng An Bình Đông tham gia đầu xảo khá đa dạng các loại giống: *lúa nàng ngọc vàng* (Phạm Văn Thanh), *lúa bảy trâm* (Trần Văn Lê), *lúa móng tay trắng* (Trần Văn Bên), *lúa lộn* (Nguyễn Hàm Huy), *lúa hoa rom*, *lúa nàng ngọc chùm* (Nguyễn Văn Cu), *lúa tiêu* (Phạm Văn Hương), *lúa nàng bán* (Lê Văn Ky).

Ngoài lúa ở làng An Bình Đông còn có các sản phẩm khác: *khoai mơn* (Lê Văn Ngo), *khoai từ* (Bùi Văn Thái), *vòng tay vàng tây* (Phan Văn Dương), *giấy chuyền có mè dai* (Tô Văn Suru), *cà rá vàng tây* (Trần Văn Ngọc).

Sản phẩm của các làng khác ở tổng Phong Hòa:

- Lúa ra chùm (Mai Tiên Khiêm), khoai lang (Lê Ngọc Kiên) ở làng An Cư;

- Lúa cà đùng công dâu (Phan Duy Trinh), khoai lang gạo (Lê Ngọc Đê) ở làng Hòa Khánh;

- Lúa chàng bè lớn (Trần Mỹ Hiếu, làng Mỹ Đức Đông);

- Cà rá vàng tây, một cái súng lục nhỏ vàng tây (Đoàn Ngọc Thiệt) ở làng Mỹ Đức Đông;

- Lúa nàng ngọc đen (Nguyễn Văn Thích, làng Mỹ Đức Tây);

- Lúa nàng quot (Đoàn Văn Công), lúa song voi (Đoàn Văn Trác) ở làng Mỹ Hội;

- Khoai tím (Nguyễn Văn Dương, làng Mỹ Thiện).

* *Tổng Lợi Trinh:*

Nghề nuôi tằm tập trung chủ yếu ở vùng Cai Lậy và Chợ Gạo. Diện tích chiếm khoảng 20 ha trong toàn tỉnh. Ở Lợi Trinh, có: *tơ* (Nhà máy sợi Cai Lậy), *kén* (Trại tằm Cai Lậy) ở làng Thanh Sơn.

Sản phẩm chiếu tham gia đấu xảo: *chiếu hoa*, *chiếu hoa nhỏ* (Nguyễn Thị Sot); *chiếu trơn* (Nguyễn Thị Tròn); *chiếu phơi lúa* (Trương Văn Suu) ở làng Mỹ Đông Trung.

Nghề dệt chiếu tập trung ở Lợi Trinh, Hưng Nhơn và Hưng Nhượng. Sản lượng 6 tháng đầu năm 1924 là 550.000 chiếc. Chiếu được bán với giá khoảng từ 0\$22 đến 0\$30/chiếc, tùy theo chất lượng và kích thước.

Chiếu được đem bán ở Cam Bốt và các tỉnh miền Tây Nam kỳ.

Ở làng Mỹ Đông Trung có “*bao nhiếp đựng lúa*” của Trương Văn Suu.

*** Tổng Hưng Nhơn:**

- Đệm, bao nhiếp (Phạm Văn Tư, làng Tân Hội Đông);
- Đệm (Nguyễn Văn Dương, làng Tân Hội Tây);
- Đệm (Huỳnh Thị Sen, làng Hưng Thạnh);
- Bao nhiếp (Đỗ Văn Phú, làng Dương Hòa).

Tỉnh Sa Đéc

*** Tổng Phong Thạnh:**

Nguyễn Văn Chơí ở làng Mỹ Trà, tham gia đấu xảo với đồ trang sức: *cà rá vàng tây*, giá 6\$00; *dây chuyền với mè đai*, 16\$50; *cà rá vàng tây*, 7\$50; *bông tai*, 3\$50. Trang sức ở tỉnh Sa Đéc nói chung, được nhận định là nổi tiếng khắp các tỉnh Nam kỳ.

Sản phẩm khác của Phong Thạnh:

- Lăn đen (satin): Võ Đình Ven, Nguyễn Xuân Mai (làng Mỹ Trà);
- Xuyên (soie) (Nguyễn Xuân Mai, làng Mỹ Trà);
- Cái phản: Phan Văn Thao (làng An Bình), Võ Văn Hoàng (làng Mỹ Ngãi), Bùi Văn Gon (làng Nhị Mỹ);
- Cái cước: Phan Văn Chinh (làng An Bình), Võ Văn Gấm (làng Mỹ Ngãi), Bùi Văn Rung (làng Nhị Mỹ);
- Cái chét (Chế Văn Kha, làng Mỹ Ngãi);
- Lưỡi hái (Phan Văn Kiên, làng An Bình);
- Cái xuống (bêche) (Bùi Văn Gon, làng Nhị Mỹ).

*** Tổng An Tịnh:**

- Chàm (Nguyễn Văn Đại, làng Tân Thuận Đông);
- Cối xay lúa (Huỳnh Văn Tài, làng Tân Tịch);
- Cái phản (Phạm Văn Quì, làng Tân Tịch);
- Cái cước (Phan Văn Quì, làng Tân Tịch);

- Cái chét (Nguyễn Văn Thịnh, làng Tịnh Thới);
- Lưỡi hái (Nguyễn Văn Thịnh, làng Tịnh Thới);
- Cái xuồng (bêche) (Phan Văn Qui, làng Tân Tịch);
- Ghe chài (Tô Văn Cừ, làng Tân Tịch).

* *Tổng Phong Năm:*

- Cái phan: Huỳnh Văn Đông (làng Mỹ Thọ), Trần Văn Điều (làng Mỹ Hội);
- Nọc cây (plantoir) (Trần Văn Thọ, làng Mỹ Thọ);
- Cù nèo (crochet en bois) (Trần Văn Thọ, làng Mỹ Thọ);
- Thuyền quan (barque) (Lê Văn Xưa, làng Mỹ Long).

Theo thống kê trên, có tất cả 10 trên khoảng 13 tổng của Đồng Tháp Mười tham gia đấu xảo. Các sản phẩm tham gia chủ yếu: đường và sản phẩm làm từ bàng ở Cửu Cư Thượng và Mộc Hóa; lúa gạo ở Phong Hòa, dẹt chiếu ở Lợi Trinh và trang sức, nông cụ ở Phong Thạnh, An Tịnh.

Hoạt động đấu xảo, nhìn ở góc độ nào đó như là “trò tiêu khiển” của chính quyền thuộc địa. Nó không làm thay đổi căn bản nền sản xuất thuộc địa và phụ thuộc. Tính chất nông dân trong hoạt động đấu xảo vẫn còn rất rõ: tự phát, nửa vùi, sản xuất nhỏ lẻ, định hướng chuyên môn hóa và tư duy sản xuất hàng hóa chưa cao. Đồng thời, sự độc quyền trong xuất khẩu của chính quyền thuộc địa, sự bóp bênh trong đầu ra của sản phẩm là nguyên nhân cơ bản của sự không ổn định, không liên tục của các nghiệp chủ và sản phẩm tham gia đấu xảo.

Từ “*trao đổi mua bán*” - “*chợ*” đến hình thành “*thị tứ*”, từ “*thị tứ*” nâng lên thành “*thị xã*” có quy chế quản lý riêng. Đây là một bước phát triển đặc trưng của Đồng Tháp Mười dưới thời thuộc Pháp. Thành thị được hình thành trên cơ sở hoạt động giao thương phát triển. Với các hoạt động thương mại, các loại hình dịch vụ, trung tâm hoạt động văn hóa... làm cho đời sống người dân được nâng lên cả về chất, lẫn về lượng.

Xã hội ngoài những lực lượng sản xuất cũ: điền chủ, tá điền, cùng với những người làm thuê,... Đã xuất hiện thêm lực lượng sản xuất mới: *tiểu thương, nghiệp chủ*, hoạt động phi nông nghiệp. Lực lượng sản xuất mới này, tham gia vào chuỗi sản xuất chung của xã hội, góp phần thúc đẩy hoạt động kinh tế diễn ra “nhiều màu sắc” hơn. Nhưng do tính chất bóp bênh của nền kinh tế nên lực lượng này còn mỏng và yếu, “*ranh giới*” giữa các lực lượng này cũng không cố định và dễ bị biến động.

Tài liệu tham khảo

1. Cochinchine française (1906), *Annuaire général de l'IndoChine française (en 1906) (partie commerciale)*, Imprimerie Éditeur, F-H Schneider (Hanoi).

2. Cochinchine française (1887), *Manuel de conversation Française-Annamite*, (deuxième édition), Imprimerie de la Mission, Tân-Định (Saigon).
3. Cochinchine française (1874), *Annuaire de la Cochinchine française (en 1874)*, Imprimerie du Gouvernement, Saigon.
4. Trịnh Hoài Đức – Hậu học Lý Việt Dũng (dịch và chú giải) – Ts. Huỳnh Văn Tới (hiệu đính và giới thiệu) (2006), *Gia Định thành thống chí*, Nhà xuất bản Tổng hợp Đồng Nai.
5. Nguyễn Đình Tư (2017), *Địa chí Hành chí các tỉnh Nam Kỳ thời Pháp thuộc (1859-1954)*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.
6. Gouvernement de la Cochinchine (1920), *Catalogue Produits de la Cochinchine présentés à la Foire de Hanoi de 1920*, Hanoi, Imprimerie d'Extrême - Orient.
7. Publications de la société des études Indo-Chinoises (1902), *Monographie de la province de My-tho*, Imprimerie L. Ménard, Saigon.
8. Publications de la société des études Indo-Chinoises (1902), *Monographie de la province de Chau-doc*, Imprimerie L. Ménard, Saigon.
9. Publications de la société des études Indo-Chinoises (1903), *Monographie de la province de Sa-dec*, Imprimerie L. Ménard, Saigon.
10. Victor Duvernoy (1905), *Monographie de la province de Long-xuyen*, Imprimerie Saigonnaise, Saigon.
11. Victor Delahaye (1928), *La plaine des Joncs*, Imprimerie de l'ouest-Éclair, Rennes.
12. Tô Văn Qua (1930), *Các sách thuế chánh ngạch trong xứ Nam kỳ*, Imprimerie de l'union Nguyễn Văn Cửa, Saigon.
13. Quốc triều sử quán – Viện khoa học Xã hội Việt Nam – Viện sử học (2006), *Đại Nam nhất thống chí – Lục tỉnh Nam kì*, Nhà xuất bản Thuận Hóa, Huế.
14. ? (1924), *Nomenclature des produits de la Cochinchine, présentés à la foire de Hanoi de 1924*, Décembre MCMXXIV, Hanoi.
15. ? (1933), *Annuaire complet (européen et indigène) de toute l'Indochine 1^{re} 1933-1934*, Imprimerie Albert Portail, Saigon.